

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2023/DS-ST**
Ngày: 09-01-2023
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga;
2. Ông Trần Văn Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2022/TLST- DS, ngày 25/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXXST-DS ngày 12/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐDS-ST ngày 28/12/2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị K**, sinh năm 1944. Có mặt.

Địa chỉ: Số 54 đường Z, thôn Y, xã TH, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1962 và bà **Nguyễn Thị H**. Vắng mặt ông M, bà H.

Địa chỉ: Đường số 17, tổ G, thôn N, xã TH, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/11/2022, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị K trình bày: Do quen biết với nhau, nên vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H vay tiền của bà K 02 lần tiền; cụ thể như sau: Vào tháng 3/2022 (âm lịch) vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay chỉ vài ngày, lãi suất là 3%/tháng, nhưng không ghi vào giấy vay. Ngày 19/7/2022 (âm lịch) vay thêm 30.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, nhưng không ghi vào giấy nợ. Đồng thời trong giấy nợ vay ngày 19/7/2022(âm lịch), bà H, ông M hẹn trong hạn 10 ngày sẽ trả nợ cũ lẫn nợ mới. Tuy nhiên cho đến nay bà H, ông M vẫn chưa trả gốc và lãi cho bà K. Nay bà K yêu cầu ông M và bà H phải trả nợ vay và nợ lãi theo quy định của pháp luật

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 02 “Giấy mượn tiền” có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là bà H và ông M, về nội dung của các giấy mượn tiền: thể hiện bà H, ông M có vay của bà Vũ Thị K 02 lần, với số tiền tổng cộng là 130.000.000 đồng.

-Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H không tham gia, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo đến tham gia phiên họp kiểm tra về giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra về giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ một cách hợp lệ, nhưng ông M, bà H vẫn không có ý kiến phản hồi nào. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M và bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị H vắng mặt, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Giao dịch dân sự do các bên thực hiện là hợp đồng vay tài sản từ năm 2019, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H trả tiền vay 130.000.000 đồng là có căn cứ. Vì nguyên đơn bà K đưa ra 02 giấy vay tiền, thể hiện ông M, bà H có vay của bà K 02 lần tiền như sau: Ngày 2/3/2022 (âm lịch) nhằm ngày 02/4/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng, nhưng đến ngày 01/5/2022 mới viết giấy mượn tiền, trong giấy bà H hẹn sau 45 ngày sẽ trả. Ngày 19/7/2022 vay thêm 30.000.000 đồng và hẹn sau 10 ngày sẽ trả 02 khoản nợ trên cho bà K. Những chứng cứ này Tòa án đã thông báo cho bà H, ông M, nhưng ông M, bà H cũng không có ý kiến phản đối gì. Do đó, cần buộc bà H và ông M trả cho bà K số tiền này là phù hợp Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Trong các giấy mượn tiền giữa bà K với bà H, ông M, đều không thể hiện thỏa thuận về lãi suất, mà chỉ thỏa thuận về thời hạn vay, nên xác định trường hợp này là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng, nhưng không có sự thừa nhận của bị đơn, đồng thời lãi suất mức 3%/tháng cũng vượt mức pháp luật quy định, nên không có căn cứ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào thời hạn vay ghi trong các giấy mượn tiền, để xác định ngày chậm trả của bị đơn để tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp. Theo giấy mượn tiền ngày 1/5/2022 âm lịch tức ngày 30/5/2022, do đó xác định ngày chậm trả đối với số tiền 100.000.000 đồng

này kể từ ngày 01/6/2022, tính đến ngày xét xử (09/01/2023) là 7 tháng 21 ngày, số tiền lãi là:

$$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times (7 + \frac{8}{30}) = 6.6.031.000 \text{ đồng.}$$

Theo giấy mượn tiền ghi ngày 19/7/2022 âm lịch- tức ngày 16/8/2022, thì ông M, bà H hẹn 10 ngày trả. Do đó xác định ngày chậm trả là kể từ ngày 27/8/2022, tính đến ngày xét xử (9/1/2023) là 4 tháng 12 ngày, số tiền lãi là:

$$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times (4 + \frac{12}{30}) = 1.095.600 \text{ đồng}$$

Tổng tiền lãi của 02 khoản vay là: 7.126.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông M, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Vũ Thị K số tiền 137.126.000 đồng, gồm tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi 7.126.000 đồng (tính từ ngày chậm trả ghi trong các giấy mượn tiền, với mức lãi 0,83%/tháng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với

pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H phải chịu 6.856.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thị K không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 09/01/2023; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái